

# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Ngày 23/05/2018

ASEANSC RESEARCH



## MỤC LỤC

|                                     |    |
|-------------------------------------|----|
| Nhận định thị trường                | 1  |
| I. Thông tin doanh nghiệp           | 1  |
| II. Tin kinh tế trong nước nổi bật  | 1  |
| III. Tin quốc tế nổi bật            | 1  |
| Tổng hợp diễn biến thị trường       | 2  |
| IV. Tổng quan giao dịch NĐT NN      | 2  |
| Tỷ lệ ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index | 3  |
| Phân tích kỹ thuật                  | 4  |
| Biến động chỉ số ngành              | 5  |
| Đầu tư theo nhóm ngành              | 6  |
| Giá hàng hóa thế giới               | 7  |
| Danh mục của CANSLIM                | 8  |
| Báo cáo công ty                     | 9  |
| Báo cáo cập nhật ngành              | 10 |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật          | 11 |
| Lịch sự kiện chứng khoán nổi bật    | 12 |

## I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

### GIL: Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%

GIL - CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh - Ngày 05/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 06/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 21/6/2018.

### NCT: Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 50%

NCT - CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài - Ngày 30/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 31/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 50%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/6/2018.

## TỔNG QUAN TTCK QUỐC TẾ

| KHU VỰC | CHỈ SỐ     | +/-       | ĐIỂM      |
|---------|------------|-----------|-----------|
| MỸ      | Dow Jones  | ↓ -178.88 | 24,834.41 |
|         | S&P 500    | ↓ -15.58  | 7,378.46  |
|         | Nasdaq     | ↓ -8.57   | 2,724.44  |
|         | FTSE 100   | ↑ 18.28   | 7,877.45  |
| CHÂU ÂU | DAX        | ↑ 92.20   | 13,169.92 |
|         | CAC 40     | ↑ 2.59    | 5,640.10  |
|         | Nikkei 225 | ↓ -35.34  | 22,925.00 |
| CHÂU Á  | Hang Seng  | ↑ 186.44  | 31,234.35 |
|         | Shanghai   | ↑ 0.51    | 3,214.35  |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp)

Cập nhật ngày 23/05/2018

## VN-INDEX BẮT NGỜ ĐẢO CHIỀU TĂNG NHẸ

### NHẬN ĐỊNH CỦA ASEANSC:

Trong phiên giao dịch thứ 4 (23/05), chỉ số VN-Index bắt ngờ xanh trở lại sau khi sụt giảm sâu gần 20 điểm. Sự đảo chiều của chỉ số chủ yếu đóng góp bởi nhóm Bluechips (VNM, GAS, PLX,...) và ngân hàng (BID, VCB, CTG,...). Trong khi đó, nhóm cổ phiếu VHM, VIC, SAB,... giảm sâu, tác động tiêu cực lên chỉ số. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 3,03 điểm, đóng cửa ở mức 988,94 điểm. Thanh khoản trên HOSE tiếp tục cải thiện với khối lượng khớp lệnh hơn 182 triệu cổ phiếu, giá trị hơn 6.600 tỷ đồng. Về phía khối ngoại, họ bán ròng hơn 675 tỷ đồng trên HOSE.

Trong kịch bản tích cực, vùng 1.000 - 1.020 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 1.020. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 1.040 - 1.060 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

## II. TIN KINH TẾ TRONG NƯỚC NỔI BẬT

### Ngày 23/05: Tỷ giá trung tâm ở mức 22.584 đồng, giảm 11 đồng so với phiên trước đó

Tỷ giá trung tâm ngày 23/5 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.584 đồng, giảm 11 đồng so với mức công bố sáng qua. Trong khi đó, giá USD tại một số ngân hàng thương mại sáng nay cũng tiếp tục được điều chỉnh giảm. Cụ thể, Vietcombank giảm 5 đồng ở cả hai chiều so với mức khảo sát sáng qua, xuống còn 22.735-22.805 đồng. Vietinbank cũng giảm nhẹ 2 đồng, xuống mức 22.738-22.808 đồng.

### Sáng ngày 23/05: Giá vàng SJC ở mức 36,48 - 36,68 triệu đồng/lượng

Khảo sát lúc 8h45 sáng nay (23/5), giá vàng miếng SJC đang được niêm yết ở mức 36,48 - 36,68 triệu đồng/lượng, giảm 40 nghìn đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với giá khảo sát sáng qua. Chênh lệch giá mua - bán vẫn ở mức 200 nghìn đồng/lượng. Cùng thời điểm, giá vàng giao ngay trên sàn Kitco đang được niêm yết ở mức 1.291,9 USD/oz, giảm nhẹ 0,3 USD, tương đương 0,02% so với chốt phiên trước. Quy đổi theo tỷ giá tại Vietcombank sáng nay, hiện giá vàng trong nước đang đắt hơn vàng thế giới 990 nghìn đồng/lượng, thu hẹp 70 nghìn đồng so với sáng qua.

## III. TIN QUỐC TẾ NỔI BẬT

### Ngày 22/05: Chỉ số Dow Jones giảm 0.72%, xuống 24,834.41 điểm

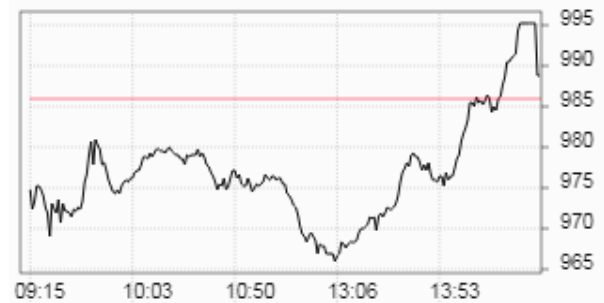
Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, chỉ số Dow Jones lùi 178.88 điểm (tương đương 0.72%) xuống 24,834.41 điểm, chỉ số S&P 500 mất 8.57 điểm (tương đương 0.31%) còn 2,724.44 điểm và chỉ số Nasdaq Composite hạ 15.58 điểm (tương đương 0.21%) xuống 7,378.46 điểm.

### Ngày 22/05: Dầu WTI tăng 0.2%, lên 72.20 USD/thùng

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 7 tiến 15 xu (tương đương 0.2%) lên 72.20 USD/thùng. Trong khi đó, hợp đồng dầu Brent giao tháng 7 trên sàn Luân Đôn cộng 35 xu (tương đương 0.4%) lên 79.57 USD/thùng, mức đóng cửa cao nhất mới kể từ cuối tháng 11/2014. Hợp đồng này đã dao động tại mức cao nhất trong phiên là 80.49 USD/thùng.

**TỔNG HỢP DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**
**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**

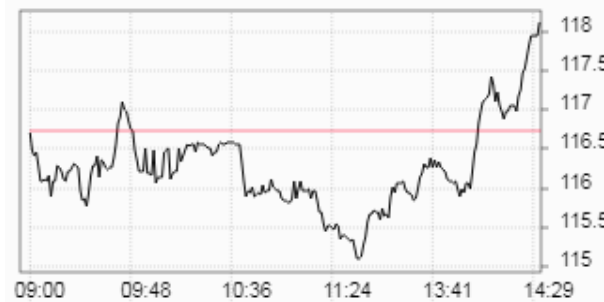
|                   |   |                     |
|-------------------|---|---------------------|
| Thay đổi (điểm)   | ↑ | <b>+3,03/+0,31%</b> |
| Giá trị (điểm)    | ↑ | <b>988.94</b>       |
| Khối lượng (cp)   |   | <b>180,507,073</b>  |
| Giá trị (tỷ đồng) |   | <b>6,388.24</b>     |
| Số cp tăng giá    | ↑ | <b>152</b>          |
| Số cp giảm giá    | ↓ | <b>128</b>          |
| Số cp đứng giá    | → | <b>79</b>           |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**


| Mã  | Mở    | Đóng  | Cao   | Thấp | KL        | Thay đổi |
|-----|-------|-------|-------|------|-----------|----------|
| VND | 20    | 21.4  | 21.4  | 19   | 2,054,330 | ↑ 7.0%   |
| GAS | 105.5 | 113.3 | 113.3 | 105  | 600,060   | ↑ 7.0%   |
| CSM | 13.9  | 14.6  | 14.6  | 13.5 | 394,090   | ↑ 7.0%   |
| EMC | 13.1  | 13.1  | 13.1  | 13.1 | 2,900     | ↑ 7.0%   |
| RIC | 5.6   | 6.5   | 6.5   | 5.6  | 430       | ↑ 6.9%   |

**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**

|                   |   |                     |
|-------------------|---|---------------------|
| Thay đổi (điểm)   | ↑ | <b>+1,39/+1,19%</b> |
| Giá trị (điểm)    | ↑ | <b>118.11</b>       |
| Khối lượng (cp)   |   | <b>48,165,507</b>   |
| Giá trị (tỷ đồng) |   | <b>648.81</b>       |
| Số cp tăng giá    | ↑ | <b>97</b>           |
| Số cp giảm giá    | ↓ | <b>74</b>           |
| Số cp đứng giá    | → | <b>214</b>          |

**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**


| Mã  | Mở   | Đóng | Cao  | Thấp | KL        | Thay đổi |
|-----|------|------|------|------|-----------|----------|
| ACM | 0.8  | 0.8  | 0.8  | 0.7  | 158,400   | ↑ 14.3%  |
| TV3 | 52   | 52.8 | 52.8 | 52   | 1,910     | ↑ 10.0%  |
| VCM | 17.6 | 17.6 | 17.6 | 17.6 | 100       | ↑ 10.0%  |
| STP | 7.7  | 7.7  | 7.7  | 7.7  | 1,200     | ↑ 10.0%  |
| SHS | 15   | 16.5 | 16.5 | 14.4 | 1,717,499 | ↑ 10.0%  |

**TỔNG QUAN GD NĐTNN**

| TỔNG KL<br>(CỔ PHIẾU) | SÀN HCM           | SÀN HN           |
|-----------------------|-------------------|------------------|
| MUA                   | 21,398,770        | 2,877,650        |
| BÁN                   | 25,593,690        | 1,840,100        |
| MUA - BÁN             | <b>-4,194,920</b> | <b>1,037,550</b> |

**IV. TỔNG QUAN GD NĐTNN**

Ngày 23/05, khối ngoại bán ròng hơn 675 tỷ đồng trên HOSE và mua ròng hơn 14 tỷ đồng trên HNX. Cụ thể, trên sàn HOSE, họ đã mua vào gần 21,4 triệu cổ phiếu (trị giá 1.849 tỷ đồng) và bán ra hơn 25,5 triệu cổ phiếu (trị giá 2.523 tỷ đồng). Trên sàn HNX, họ mua vào hơn 2,8 triệu cổ phiếu (trị giá 51 tỷ đồng) và bán ra hơn 1,8 triệu cổ phiếu (trị giá gần 37 tỷ đồng).

(Nguồn: HOSE, HNX, ASEANSC tổng hợp:...)

**TỈ LỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỈ SỐ VN-INDEX**

Vốn hóa thị trường (Ngày 22/05/2018):

2,988,717.00 tỷ đồng

Giá trị VN-INDEX (Ngày 22/05/2018):

985.91 điểm

Cập nhật ngày 23/05/2018

| Mã CK | Tỷ lệ ảnh hưởng | KL niêm yết   | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/-  | %     | KL khớp   | Điểm ảnh hưởng |
|-------|-----------------|---------------|----------------|----------|------|-------|-----------|----------------|
| VHM   | 10.6%           | 2,679,611,550 | 118.2          | 110.3    | -7.9 | -6.7% | 4,839,580 | <b>-6.98</b>   |
| VIC   | 9.4%            | 2,637,707,954 | 106.4          | 103      | -3.4 | -3.2% | 2,360,420 | <b>-2.96</b>   |
| VNM   | 7.9%            | 1,451,453,429 | 162            | 167.3    | 5.3  | 3.3%  | 971,280   | <b>2.54</b>    |
| GAS   | 6.8%            | 1,913,950,000 | 105.9          | 113.3    | 7.4  | 7.0%  | 600,060   | <b>4.67</b>    |
| VCB   | 6.4%            | 3,597,768,575 | 53.4           | 54.5     | 1.1  | 2.1%  | 2,045,320 | <b>1.31</b>    |
| SAB   | 5.3%            | 641,281,186   | 247.9          | 243      | -4.9 | -2.0% | 137,620   | <b>-1.04</b>   |
| CTG   | 3.4%            | 3,723,404,556 | 27.1           | 28       | 0.9  | 3.3%  | 5,200,740 | <b>1.11</b>    |
| BID   | 3.4%            | 3,418,715,334 | 29.3           | 30.45    | 1.2  | 3.9%  | 1,819,230 | <b>1.30</b>    |
| MSN   | 3.3%            | 1,157,373,974 | 85             | 85       | 0.0  | 0.0%  | 1,419,580 | <b>0.00</b>    |
| VRE   | 2.7%            | 1,901,078,733 | 43             | 43.5     | 0.5  | 1.2%  | 2,004,030 | <b>0.31</b>    |
| PLX   | 2.7%            | 1,293,878,081 | 62             | 63.3     | 1.3  | 2.1%  | 614,660   | <b>0.56</b>    |
| VJC   | 2.7%            | 451,343,284   | 176.9          | 178      | 1.1  | 0.6%  | 585,560   | <b>0.16</b>    |
| HPG   | 2.6%            | 1,517,079,000 | 50.5           | 51.7     | 1.2  | 2.4%  | 3,291,430 | <b>0.60</b>    |
| VPB   | 2.3%            | 1,497,403,415 | 45             | 45.1     | 0.1  | 0.2%  | 2,602,270 | <b>0.05</b>    |
| BVH   | 1.9%            | 680,471,434   | 84             | 87       | 3.0  | 3.6%  | 213,130   | <b>0.67</b>    |
| MBB   | 1.7%            | 1,815,505,363 | 28.8           | 29.3     | 0.5  | 1.7%  | 3,373,680 | <b>0.30</b>    |
| HDB   | 1.3%            | 980,999,979   | 39             | 37.7     | -1.3 | -3.3% | 959,240   | <b>-0.42</b>   |
| MWG   | 1.2%            | 323,169,521   | 109            | 113      | 4.0  | 3.7%  | 872,610   | <b>0.43</b>    |
| ROS   | 1.1%            | 472,999,999   | 71.9           | 70       | -1.9 | -2.6% | 868,380   | <b>-0.30</b>   |
| NVL   | 1.1%            | 652,638,750   | 50.4           | 50.2     | -0.2 | -0.4% | 3,276,010 | <b>-0.04</b>   |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, Cophieu68, HOSE)

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



90% cash 10% stocks

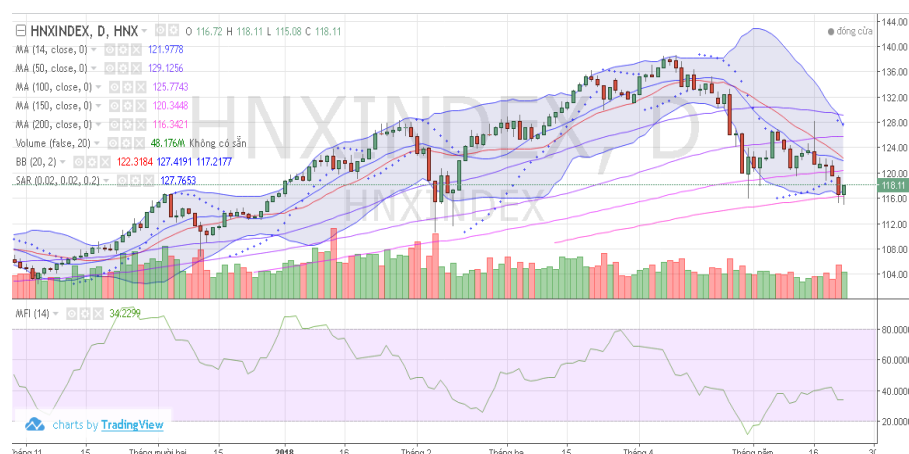
Vùng mua: 960 - 980 Vùng chốt lời ngắn hạn: 1.000 - 1.020

Xu hướng

Ngắn hạn (< 1 tháng) Trung hạn (1 - 3 tháng) Dài hạn (>3 tháng)



### HNX-INDEX



90% cash 10% stocks

Vùng mua: 116.0 - 118.0 Vùng chốt lời ngắn hạn: 120.0 - 122.0

Xu hướng

Ngắn hạn (< 1 tháng) Trung hạn (1 - 3 tháng) Dài hạn (>3 tháng)



### Phân tích kỹ thuật

#### Nhận định:

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Vn-Index sẽ kiểm tra vùng kháng cự gần nhất tại 1.000 - 1.020 điểm.

#### Khuyến nghị ngắn hạn:

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Vn-Index được dự báo nằm tại 960 - 980 điểm, đây được xem là vùng tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét giảm tỷ trọng khi thủng hỗ trợ 960. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 920 - 940 điểm.

Trong kịch bản tích cực, vùng 1.000 - 1.020 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 1.020. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 1.040 - 1.060 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

### Phân tích kỹ thuật

#### Nhận định:

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Hnx-Index sẽ kiểm tra vùng kháng cự gần nhất tại 120.0 - 122.0 điểm.

#### Khuyến nghị ngắn hạn:

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Hnx-Index được dự báo nằm tại 116.0 - 118.0 điểm, đây được xem là vùng tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét giảm tỷ trọng khi thủng hỗ trợ 116.0. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 112.0 - 114.0.

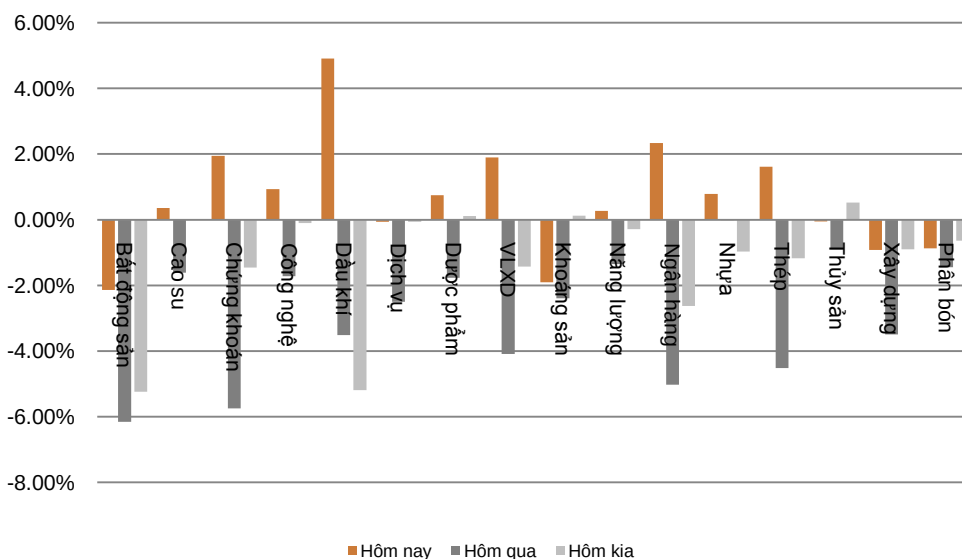
Trong kịch bản tích cực, vùng 120.0 - 122.0 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là vùng giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, xem xét tăng tỷ trọng khi vượt kháng cự 122.0. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 124.0 - 126.0 điểm.

Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 90% cash/ 10% stocks.

## BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ NGÀNH

| Ngành        | Thay đổi |
|--------------|----------|
| Bất động sản | ↓ -2.14% |
| Cao su       | ↑ 0.36%  |
| Chứng khoán  | ↑ 1.94%  |
| Công nghệ    | ↑ 0.93%  |
| Dầu khí      | ↑ 4.91%  |
| Dịch vụ      | ↓ -0.06% |
| Dược phẩm    | ↑ 0.75%  |
| VLXD         | ↑ 1.90%  |
| Khoáng sản   | ↓ -1.91% |
| Năng lượng   | ↑ 0.27%  |
| Ngân hàng    | ↑ 2.33%  |
| Nhựa         | ↑ 0.78%  |
| Thép         | ↑ 1.61%  |
| Thủy sản     | ↓ -0.05% |
| Xây dựng     | ↓ -0.92% |
| Phân bón     | ↓ -0.87% |

BIỂU ĐỒ NGÀNH



CHI TIẾT NGÀNH

| Ngành        | Mã chứng khoán | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/-    | %       | KLGD      |
|--------------|----------------|----------------|----------|--------|---------|-----------|
| Bất động sản | VIC            | 106.4          | 103      | ↓ -3.4 | ↓ -3.2% | 2,360,420 |
|              | NVL            | 50.4           | 50.2     | ↓ -0.2 | ↓ -0.4% | 3,276,010 |
|              | KDH            | 33.85          | 34       | ↑ 0.2  | ↑ 0.4%  | 68,760    |
| Chứng khoán  | SSI            | 30.05          | 31.2     | ↑ 1.2  | ↑ 3.8%  | 6,944,590 |
|              | VCI            | 92.5           | 90       | ↓ -2.5 | ↓ -2.7% | 65,300    |
|              | HCM            | 62.1           | 64       | ↑ 1.9  | ↑ 3.1%  | 380,490   |
| Dầu khí      | GAS            | 105.9          | 113.3    | ↑ 7.4  | ↑ 7.0%  | 600,060   |
|              | PLX            | 62             | 63.3     | ↑ 1.3  | ↑ 2.1%  | 614,660   |
|              | PVS            | 19.9           | 19.9     | → 0.0  | → 0.0%  | 3,391,800 |
| Ngân hàng    | VCB            | 53.4           | 54.5     | ↑ 1.1  | ↑ 2.1%  | 2,045,320 |
|              | CTG            | 27.1           | 28       | ↑ 0.9  | ↑ 3.3%  | 5,200,740 |
|              | BID            | 29.3           | 30.45    | ↑ 1.2  | ↑ 3.9%  | 1,819,230 |
| Thép         | HPG            | 50.5           | 51.7     | ↑ 1.2  | ↑ 2.4%  | 3,291,430 |
|              | TVN            | 9.6            | 9.6      | → 0.0  | → 0.0%  | 4,900     |
|              | HSG            | 12.2           | 12.2     | → 0.0  | → 0.0%  | 6,269,800 |

Cập nhật ngày 23/05/2018

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp;...)

**ĐẦU TƯ THEO NHÓM NGÀNH**

| Ngành        | Biến động tuần (%) | Cổ phiếu nổi bật        | Triển vọng 2018 |
|--------------|--------------------|-------------------------|-----------------|
| Bất động sản | ↓ -17.42%          | VIC, PDR, DIG, DXG, SCR | Khả quan        |
| Cao su       | ↓ -1.45%           | CSM, DRC, SRC           | Trung lập       |
| Chứng khoán  | ↓ -6.87%           | HCM, SSI, VND           | Khả quan        |
| Công nghệ    | ↓ -1.48%           | FPT, CMG, ELC           | Khả quan        |
| Dầu khí      | ↓ -6.30%           | GAS, PVD, PVS           | Khả quan        |
| Dịch vụ      | ↓ -1.40%           | PAN, SKG, VNG, DSN      | Khả quan        |
| Dược phẩm    | ↓ -2.41%           | DCL, DHG, DMC, IMP      | Khả quan        |
| VLXD         | ↓ -4.96%           | HT1, BCC                | Trung lập       |
| Khoáng sản   | ↓ -4.69%           | NBC, TC6, TCS, TDN      | Trung lập       |
| Năng lượng   | ↑ 0.67%            | BTP, PPC, VSH, NT2      | Khả quan        |
| Ngân hàng    | ↓ -6.06%           | VCB, BID, CTG, MBB, SHB | Khả quan        |
| Nhựa         | ↓ -1.05%           | BMP, NTP, AAA           | Trung lập       |
| Thép         | ↓ -4.65%           | HPG, HSG, VGS, NKG      | Trung lập       |
| Thủy sản     | ↓ -1.39%           | FMC, HVG, IDI, VHC      | Trung lập       |
| Xây dựng     | ↓ -7.83%           | CTD, VCG, HBC           | Trung lập       |
| Phân bón     | ↓ -3.62%           | DCM, DPM, BFC, LAS      | Trung lập       |

Cập nhật ngày 23/05/2018

**GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI**

| Năng lượng  | Giá hiện tại | Thay đổi |          |         |        | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|---------|--------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng | 1 Năm  |                    |
| Crude Oil   | 71.7829 ↓    | -0.40% ↑ | 0.37% ↑  | 5.99% ↑ | 39.71% | 23/05/2018         |
| Brent       | 79.0949 ↓    | -0.45% ↓ | -0.26% ↑ | 7.06% ↑ | 46.54% | 23/05/2018         |
| Natural gas | 2.8965 ↑     | 0.23% ↑  | 2.89% ↑  | 4.15% ↓ | -9.74% | 23/05/2018         |
| Gasoline    | 2.2496 ↓     | -0.50% ↓ | -0.03% ↑ | 7.37% ↑ | 36.10% | 23/05/2018         |
| Heating oil | 2.2611 ↓     | -0.52% ↓ | -0.38% ↑ | 6.25% ↑ | 40.74% | 23/05/2018         |
| Ethanol     | 1.473 ↑      | 0.16% ↑  | 0.14% ↑  | 0.34% ↓ | -0.47% | 23/05/2018         |

| Kim loại  | Giá hiện tại | Thay đổi |         |          |        | Thời gian cập nhật |
|-----------|--------------|----------|---------|----------|--------|--------------------|
|           |              | 1 Ngày   | 1 Tuần  | 1 Tháng  | 1 Năm  |                    |
| Palladium | 898.5 ↑      | 0.28% ↑  | 0.33% ↑ | 1.23% ↑  | 29.29% | 23/05/2018         |
| Gold      | 1,294.7 ↓    | -0.08% ↑ | 0.34% ↓ | -2.68% ↑ | 2.90%  | 23/05/2018         |
| Silver    | 16.5 ↓       | -0.39% ↑ | 1.03% ↓ | -1.10% ↓ | -3.91% | 23/05/2018         |
| Platinum  | 898.5 ↑      | 0.28% ↑  | 0.62% ↓ | -2.07% ↓ | -4.41% | 23/05/2018         |

| Nông nghiệp  | Giá hiện tại | Thay đổi |          |           |         | Thời gian cập nhật |
|--------------|--------------|----------|----------|-----------|---------|--------------------|
|              |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng   | 1 Năm   |                    |
| Orange Juice | 167.5 ↑      | 0.75% ↓  | -2.28% ↑ | 14.81% ↑  | 23.22%  | 23/05/2018         |
| Cocoa        | 2,615.0 ↓    | -2.35% ↓ | -5.77% ↓ | -4.77% ↑  | 29.39%  | 23/05/2018         |
| Manganese    | 39.5 →       | 0.00% →  | 0.00% ↓  | -3.66% ↑  | 19.70%  | 23/05/2018         |
| Live Cattle  | 105.1 ↑      | 0.16% ↑  | 2.05% ↓  | -13.67% ↓ | -13.95% | 23/05/2018         |
| Tea          | 2.5 →        | 0.00% ↓  | -5.66% ↓ | -18.83% ↓ | -28.16% | 23/05/2018         |
| Sugar        | 12.2 ↓       | -0.16% ↑ | 4.91% ↑  | 9.34% ↓   | -22.27% | 23/05/2018         |
| Soybeans     | 1,028.0 ↓    | -0.07% ↑ | 2.82% ↑  | 0.56% ↑   | 8.41%   | 23/05/2018         |
| Wheat        | 520.3 ↓      | -0.43% ↑ | 5.27% ↑  | 10.11% ↑  | 20.29%  | 23/05/2018         |
| Cotton       | 89.0 ↑       | 0.68% ↑  | 6.28% ↑  | 7.01% ↑   | 15.28%  | 23/05/2018         |
| Rice         | 12.3 ↑       | 0.89% ↓  | -1.68% ↓ | -6.07% ↑  | 11.91%  | 23/05/2018         |
| Palm Oil     | 2,460.0 ↑    | 1.11% ↑  | 3.62% ↑  | 2.41% ↓   | -14.49% | 23/05/2018         |
| Cheese       | 1.6 ↓        | -0.06% ↓ | -0.06% ↑ | 3.93% ↑   | 6.15%   | 23/05/2018         |
| Milk         | 15.2 ↓       | -0.07% ↓ | -0.26% ↑ | 4.75% ↓   | -2.50%  | 23/05/2018         |
| Rubber       | 183.5 →      | 0.00% ↑  | 3.67% ↑  | 2.69% ↓   | -43.19% | 23/05/2018         |

| Công nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm   |                    |
| Sugar       | 12.2 ↓       | -0.16% ↑ | 4.91% ↑  | 9.34% ↓  | -22.27% | 23/05/2018         |
| Copper      | 3.1 ↓        | -1.48% ↓ | -0.28% ↓ | -2.82% ↑ | 18.30%  | 23/05/2018         |
| Steel       | 4,016.0 ↓    | -1.23% ↓ | -1.57% ↑ | 3.24% ↑  | 9.10%   | 23/05/2018         |
| Aluminum    | 2,280.0 ↑    | 0.44% ↓  | -1.68% ↓ | -0.65% ↑ | 17.34%  | 23/05/2018         |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, tradingeconomics.com)

**DANH MỤC CỦA CANSLIM**
**CÁC KHUYẾN NGHỊ CÒN MỞ TRẠNG THÁI**

| Mã CP       | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ghi chú |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|---------|
| Trung bình: |         |            |             |              |              |                  | #DIV/0!         |            |         |

**CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG TRONG THÁNG**

| Mã CP       | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ngày đóng TT |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|--------------|
| VNM         | Mua     | Đóng       | 115.0       | 138.0        | 140.0        | 21.7%            | 20.0%           | 27/01/2016 | 17/03/2016   |
| BTP         | Mua     | Đóng       | 11.4        | 15.8         | 15.3         | 34.2%            | 38.6%           | 16/02/2016 | 25/03/2016   |
| INN         | Mua     | Đóng       | 36.0        | 49.8         | 49.0         | 36.1%            | 38.3%           | 19/01/2016 | 13/04/2016   |
| KBC         | Mua     | Mở         | 13.1        | 15.0         | 15.5         | 18.3%            | 14.5%           | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BPC         | Mua     | Mở         | 12.4        | 17.5         | 20.0         | 61.3%            | 41.1%           | 20/01/2016 | 08/06/2016   |
| PMC         | Mua     | Mở         | 49.0        | 60.7         | 72.4         | 47.8%            | 23.9%           | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BCC         | Mua     | Mở         | 14.8        | 19.1         | 18.4         | 24.3%            | 29.1%           | 19/12/2016 | 20/02/2017   |
| HVT         | Mua     | Mở         | 19.5        | 27.8         | 25.0         | 28.2%            | 42.6%           | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| NLG         | Mua     | Mở         | 21.8        | 26.8         | 27.8         | 27.5%            | 22.7%           | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| VNM         | Mua     | Mở         | 124.6       | 151.7        | 150.0        | 20.4%            | 21.7%           | 20/12/2016 | 29/05/2017   |
| DVN         | Mua     | Mở         | 16.1        | 27.7         | 28.0         | 73.9%            | 72.0%           | 14/11/2017 | 24/01/2018   |
| PGC         | Mua     | Mở         | 13.5        | 17.2         | 24.1         | 78.5%            | 27.4%           | 04/05/2017 | 05/02/2018   |
| Trung bình: |         |            |             |              |              |                  | 32.7%           |            |              |

(Cập nhật ngày 03/02/2017)



**BÁO CÁO CÔNG TY (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên công ty | Ngày phát hành | Khuyến nghị    | Giá mục tiêu         | Chi tiết  |
|-------------|----------------|----------------|----------------------|-----------|
| DVN         | 05/04/2018     | Mua [+82%]     | 33.600 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| SHB         | 26/02/2018     | Nắm giữ [-5%]  | 12.600 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| IJC         | 15/11/2017     | Mua [+30%]     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| NTL         | 14/11/2017     | Mua [+24%]     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VPB         | 17/08/2017     | Mua [+26%]     | 49.200 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DRC         | 27/07/2017     | Bán [-21%]     | 21.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LTG         | 26/07/2017     | Bán [-19%]     | 44.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VGC         | 27/06/2017     | Nắm giữ [-8%]  | 17.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LIC         | 31/05/2017     | Không đánh giá | N/A                  | Tài xuống |
| VGC         | 25/05/2017     | Mua [+41%]     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CTF         | 23/05/2017     | Nắm giữ [+9%]  | 13.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CDN         | 22/05/2017     | Mua [+29%]     | 30.800 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DP2         | 19/05/2017     | Không đánh giá | N/A                  | Tài xuống |
| DVN         | 18/05/2017     | Mua [+282%]    | 39.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CSV         | 10/05/2017     | Mua [+69%]     | 50.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TRC         | 09/05/2017     | Nắm giữ [+8%]  | 31.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| PGC         | 28/04/2017     | Mua [+81%]     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TMT         | 21/04/2017     | Nắm giữ [+3%]  | 13.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VTG         | 23/03/2017     | Mua [+29%]     | 14.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DIG         | 23/03/2017     | Nắm giữ [+0%]  | 9.100 đồng/cổ phiếu  | Tài xuống |
| TMT         | 20/03/2017     | Mua [+42%]     | 18.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CMC         | 20/03/2017     | Mua [+160%]    | 13.500 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |

| Khuyến nghị      | Diễn giải                                              |
|------------------|--------------------------------------------------------|
| Kỳ vọng 12 tháng |                                                        |
| Mua              | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 15%       |
| Nắm giữ          | Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -15% đến 15% |
| Bán              | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường dưới -15%     |

 Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-cong-ty>

**BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên báo cáo                                           | Chi tiết  |
|-------------------------------------------------------|-----------|
| Báo cáo cập nhật ngành Phân bón – Quý 1/2018          | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Thép – Quý 1/2018              | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Quý 1/2018         | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Săm lốp – Quý 4/2017           | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Quý 2/2017           | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Quý 2/2017       | Tải xuống |
| Báo cáo triển vọng ngành 2017 - ASEANSC               | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Bất động sản – Tháng 6/2016    | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Sản xuất thép – Tháng 6/2016   | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Tháng 5/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dịch vụ du lịch – Tháng 5/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Thủy sản – Tháng 4/2016        | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Tháng 4/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Khu công nghiệp – Tháng 3/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Tháng 3/2016     | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cảng biển – Tháng 3/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cao su tự nhiên – Tháng 2/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Nhiệt điện – Tháng 2/2016      | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Tháng 2/2016         | Tải xuống |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-nganh>

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| <b>Tên báo cáo</b>                                           | <b>Chi tiết</b> |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNM, VIC, MSN, GAS (22/03/2018) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BID, CTG, VCB, MBB (21/03/2018) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LIX, LM8, LSS, MBB (18/10/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LCG, LDG, LHG, BCC (13/10/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM (25/08/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHB (23/08/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – NTL (28/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – PVD (24/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HUT (21/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VGS (20/07/2017)                | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – KDC, KDH, KMR, KLF (18/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – IVS, ITA, ITD, KBC (17/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HT1, HTI, HVG, IDI (13/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HNG, HPG, HQC, HSG (12/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HBC, HCM, HDC, HHS (11/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HAG, HAH, HAI, HAR (10/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – FMC, FPT, GAS, GMD (06/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – EIB, ELC, FCM, FLC (05/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DPM, DQC, DRC, DXG (04/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DHM, DIC, DRH, DLG (03/07/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM, DCL, DCS, DIG (30/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DBC, EVE, FCN, FIT (29/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CSM, CCL, CNG, CLL (28/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CMG, CTD, CTG, CVT (26/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BMI, BVS, BVH, BTP (23/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BHS, BCG, CEO, CII (22/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – AAA, ACB, BID, BIC (21/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VTO, TNG, VIX, MBS (20/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNE, VNM, VSC, VSH (19/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VIS, VHG, VIC, VIP (16/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VCG, VGS, VND, VKC (15/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TIG, TVS, VCB, VHC (14/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TCL, TCM, TDH, TSC (13/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SVC, SCR, VNS, TLH (12/06/2017) | Tải xuống       |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHS, SRC, SJS, STB (09/06/2017) | Tải xuống       |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cau-phan-tich-ky-thuat>

**LỊCH SỰ KIỆN CHỨNG KHOÁN NỘI BẬT**

| Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày TH    | Mã CK | Sàn   | Nội dung sự kiện                               | Giá HT | Thay đổi       |
|------------|------------|------------|-------|-------|------------------------------------------------|--------|----------------|
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 08/06/2018 | DNM   | HNX   | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018                  | 17     | 0 (0%)         |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 06/06/2018 | PME   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | 82.7   | 0.3 (0.36%)    |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 05/06/2018 | THI   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 500 đồng/CP   | 36.6   | -2.65 (-6.75%) |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 06/06/2018 | WCS   | HNX   | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | n/a    | n/a            |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 15/06/2018 | MVB   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 200 đồng/CP     | 8.5    | 0 (0%)         |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 04/07/2018 | DNM   | HNX   | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | 17     | 0 (0%)         |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 29/06/2018 | NCS   | UPCoM | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 2,600 đồng/CP | 43.7   | -0.2 (-0.46%)  |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 04/06/2018 | CMK   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 500 đồng/CP     | 10.4   | 0 (0%)         |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 11/06/2018 | SPD   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 500 đồng/CP     | 6      | 0 (0%)         |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 11/06/2018 | BMN   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 890 đồng/CP     | n/a    | n/a            |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 06/06/2018 | BDG   | UPCoM | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 2,500 đồng/CP | n/a    | n/a            |
| 23/05/2018 | 24/05/2018 | 05/06/2018 | NHH   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 2,000 đồng/CP   | 79.5   | 0 (0%)         |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 08/06/2018 | GDW   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 900 đồng/CP     | n/a    | n/a            |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 11/06/2018 | TAW   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 600 đồng/CP     | 39.2   | 0 (0%)         |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 08/06/2018 | TAP   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,700 đồng/CP   | 9.8    | 0 (0%)         |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 11/06/2018 | LAS   | HNX   | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 700 đồng/CP   | 12.7   | -0.1 (-0.78%)  |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 18/06/2018 | PWS   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 400 đồng/CP     | 13.8   | 0 (0%)         |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 11/06/2018 | CH5   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   | 30     | 0 (0%)         |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 11/06/2018 | PSE   | HNX   | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   | 9.3    | -1 (-9.71%)    |
| n/a        | n/a        | 24/05/2018 | C22   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 35,500,000 CP              | n/a    | n/a            |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 25/06/2018 | VBG   | UPCoM | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 500 đồng/CP     | 10.6   | 0 (0%)         |
| 24/05/2018 | 25/05/2018 | 07/06/2018 | HU3   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 1/2017 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | 13.2   | -0.2 (-1.49%)  |

Cập nhật ngày 23/05/2018

**ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG BẢN TIN VÀ KHUYẾN CÁO**

Điều kiện sử dụng bản tin: Bản tin nhận định thị trường này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN cung cấp cho một bộ phận khách hàng nhất định có mở tài khoản tại Công ty. Mọi sự cung cấp khi chưa được sự đồng ý của Công ty đều bị coi là vi phạm bản quyền.

Khuyến cáo: Nội dung trong bản tin này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN tổng hợp và phân tích từ các nguồn thông tin đại chúng được xem là đáng tin cậy và chỉ đơn thuần phục vụ mục đích tham khảo. Công ty không chịu trách nhiệm với bất kỳ quyết định mua hay bán khi khách hàng sử dụng các thông tin trên.